TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2022/DS-ST
Ngày: 29/6/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Tân

2. Ông Nguyễn Tấn Hậu

***- T ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trương Phi - T ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 261/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc "*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 179/2022/QĐST-DS, ngày 10 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị M, sinh năm 1975;

Địa chỉ: số 97 đường số 12, khóm Đông Thịnh 8, phường Mỹ P, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Thế H, sinh năm 1977; bà Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1977; cùng địa chỉ: Tổ 4, ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ Hòa H, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:*

Do chỗ bà con nên từ tháng 01/2015 đến tháng 07/2019, bà Lê Thị M có cho ông Huỳnh Thế H, bà Nguyễn Thị Anh T vay nhiều lần tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 01/01/2015, ông H, bà T vay 310.000.000đ, không lãi suất, hai bên thỏa thuận khi nào bà M cần tiền thì báo trước nửa tháng ông H, bà T sẽ trả lại vốn.

Lân 2: Vào ngày 01/12/2018, ông H, bà T vay 60.000.000đ, không lãi suất, khi nào bà M cần tiền thì báo trước nửa tháng ông H, bà T sẽ trả lại vốn.

Lần 3: Vào ngày 01/01/2019, ông H, bà T vay 50.000.000đ, thỏa thuận không lãi suất, khi nào bà M cần tiền thì báo trước nửa tháng ông H, bà T sẽ trả lại vốn.

Lần 4: Vào ngày 30/7/2019, ông H, bà T vay 180.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, khi nào bà M cần tiền thì báo trước nửa tháng ông H, bà T sẽ trả lại vốn. Đối với biên nhận này bà chưa nhận được khoản lãi nào từ ông H, bà T.

Tổng cộng các lần vay trên thì ông H, bà T nợ bà M số tiền là 600.000.000đ. Do cần thu hồi lại vốn nên bà M đã nhiều lần gặp ông H, bà T để yêu cầu trả lại vốn nhưng H, T chỉ hứa hẹn mà không thực hiện.

Sau đó bà có gửi đơn yêu cầu ban ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ Hòa Hưng giải quyết. Tại buổi làm việc ngày ngày 07/12/2021, H, T vắng mặt nên bà có yêu cầu Văn phòng thừa phát lại Cần Thơ lập vi bằng thể hiện việc bà M có đến Văn phòng ấp Mỹ Thuận tham gia phiên hòa giải đồng thời bà có đến nhà của ông H, bà T gửi thông báo đòi nợ nhưng người nhà ông H, bà T từ chối nhận và thừa phát lại có làm thủ tục có niêm yết Thông báo đòi nợ trước cửa căn nhà của ông H, bà T.

Do ông H, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà M khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Thế H, bà Nguyễn Thị Anh T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền còn nợ là 600.000.000đ và tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày làm biên nhận cho đến ngày xét xử.

* Quá trình tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông Huỳnh Thế H, bà Nguyễn Thị Anh T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và lần thứ hai tại phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp chứng cứ, chứng minh không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa;

Nguyên đơn bà Lê Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện trước đây.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu:*

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt không lý do, không có ý kiến trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù Toà án tống đạt hợp lệ nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả số tiền vốn và tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 07/12/2021 cho đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị M khởi kiện ông Huỳnh Thế H, bà Nguyễn Thị Anh T trả tiền vay đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Lê Thị M là nguyên đơn trong vụ án khởi kiện và xác định bị đơn ông Huỳnh Thế H, bà Nguyễn Thị Anh T phù hợp theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Huỳnh Thế H, bà Nguyễn Thị Anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông H, bà T được thể hiện trong hồ sơ vụ án là phù hợp với Điều 2, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017; khoản 5 Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định "*Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, Tờng xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung*." Do đó Tòa án niêm yết theo quy định.

Do bị đơn ông H, bà T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

[1] Theo các biên nhận nợ ngày 01/01/2015; 01/12/2018; 01/01/2019; 30/7/2019, thể hiện ông Huỳnh Thế H, bà Nguyễn Thị Anh T có vay của bà Lê Thị M số tiền là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng). Việc giao kết hợp đồng vay tiền giữa bà M với ông H, bà T xuất phát từ sự tự nguyện giữa hai bên. Biên nhận vay tiền ghi rõ họ tên người cho vay là Lê Thị M, người ký vay là Huỳnh Thế H, Nguyễn Thị Anh T, ghi rõ số tiền vay, nghĩa vụ và thời gian trả nợ cụ thể nên xác

định đây là hợp đồng vay tài sản, không kỳ hạn được quy định tại Điều 463, Điều 469 Bộ luật dân sự 2015 nên hợp đồng này phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Nguyên đơn khởi kiện cho rằng phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 07/12/2021 là ngày bà có yêu cầu thừa phát lại lập vi bằng về việc thông báo yêu cầu ông H, bà T trả nợ. Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn ông Huỳnh Thế H, bà Nguyễn Thị Anh T không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp mặc dù đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Đồng thời, Tòa án không tiến hành hoà giải được, không đối chất được để làm rõ các vấn đề có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không thực hiện được quyền tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền lợi cho mình là lỗi của H, bà T. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Lê Thị M đã xuất trình chứng cứ là bản chính các biên nhận nợ ngày 01/01/2015; 01/12/2018; 01/01/2019; 30/7/2019, do ông H, bà T ký nhận và Vi bằng ngày 07/12/2021, đã chứng minh được có sự việc ông Huỳnh Thế H, bà Nguyễn Thị An T nợ tiền vay của bà Lê Thị M nhưng ông H, bà T vẫn chưa trả nợ cho bà M là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên bà Lê Thị M khởi kiện yêu cầu ông ông Huỳnh Thế H, bà Nguyễn Thị Anh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ nêu trên là có căn cứ nên được xem xét chấp nhận.

[2] Về lãi suất vay và thời hạn vay: Theo các biên nhận nợ ngày 01/01/2015; 01/12/2018; 01/01/2019; 30/7/2019, không thể hiện tời gian trả nợ cũng như lãi suất nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà M yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật. *"Theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác"*. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà M đồng ý tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày lập vi bằng cho đến ngày xét xử. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định pháp luật nên được xem xét chấp nhận.

Mức lãi suất được áp dụng tại thời điểm xét xử là 0,83%/tháng được tính từ ngày 07/12/2021 đến ngày xét xử là 29/6/2022 là 06 tháng 22 ngày:

600.000.000đ x 0.83% x 06 tháng x 22 ngày = 33.532.000đ (ba mươi ba triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng)

Như vậy, số tiền vốn và tiền lãi mà ông H, bà T có nghĩa vụ trả cho bà M là: Tiền vốn: 600.000.000đ + Tiền lãi: 53.005.800đ = 633.532.000đ (sáu trăm ba mươi ba triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của bà Lê Thị M được tòa án chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Huỳnh Thế H, bà Nguyễn Thị Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà lê Thị M đối với ông Huỳnh Thế H, bà Nguyễn Thị Anh T.

Buộc ông Huỳnh Thế H, bà Nguyễn Thị Anh T liên đới trả cho bà Lê Thị M số tiền vốn lãi là 633.532.000đ (sáu trăm ba mươi ba triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Thế H, bà Nguyễn Thị Anh T liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.341.000đ (hai mươi chín triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn đồng).

Bà Lê Thị M được nhận lại được nhận lại 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000831 ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[3] Về quyền kháng cáo:

Bà Lê Thị M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Huỳnh Thế H, bà Nguyễn Thị Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- THA TPLX;
- VKS TPLX
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Phương Quyền